



PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN - SỰ CẦN THIẾT, NGUYÊN NHÂN ÍT ĐƯỢC ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

ThS. Dương Hương Sơn
P. Trưởng phòng TC-HC-QT

Phá sản là một hiện tượng kinh tế khách quan, đã có từ lâu, nhưng với tư cách là một hiện tượng phổ biến thì nó chỉ xuất hiện trong nền kinh tế thị trường. Có thể khẳng định, tình trạng phá sản là hậu quả đương nhiên của quá trình cạnh tranh, kinh doanh trên thương trường. Do đó, việc giải quyết hậu quả của quá trình đó là tất yếu, là nhiệm vụ của bất kỳ quốc gia nào nhằm đảm bảo một môi trường kinh doanh lành mạnh cho các chủ thể tham gia kinh doanh, đảm bảo vai trò của nhà nước trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Với ý nghĩa đó, luật phá sản doanh nghiệp là một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống pháp luật kinh doanh, là cơ sở để xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, giải quyết mâu thuẫn về lợi ích, tránh những xung đột và đổ vỡ mang tính chất dây chuyền, đặc biệt là nền kinh tế có sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, góp phần bảo đảm ổn định xã hội.

Đối với các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, luật phá sản thường mềm dẻo áp dụng quy định phá sản doanh nghiệp bao gồm hai thủ tục tương đối độc lập nhau, đó là thủ tục phục hồi và thủ tục thanh lý doanh nghiệp phá sản. Trong luật La mã cổ, một doanh nghiệp bị phá sản có nghĩa là “*khánh tận*”, “*vỡ nợ*” và cần phải tiến hành thanh lý nhằm mục đích thu hồi tài sản cho chủ nợ. Hiện nay, đa số các nước có ban hành luật phá sản đều quy định về chế định nhằm phục hồi lại sự hoạt động của doanh nghiệp phá sản, có thể tên gọi khác nhau tùy theo mỗi quốc gia, ví dụ như, Nhật gọi là “*hồi sinh*” hay “*tái sinh*”, Trung Quốc luật phá sản cũ gọi là “*chỉnh đốn*”, luật phá sản mới gọi là “*tái cơ cấu*”, Nga gọi là “*Tổ chức lại*”... Ở Việt Nam luật Phá sản 1993 gọi là “*tổ chức lại*”, luật Phá sản 2004 gọi là “*phục hồi*”, xét về bản chất các quy định này nhằm hồi sinh lại sự hoạt động của các doanh nghiệp đang lâm vào tình trạng phá sản. Theo đó, nếu một



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, nhưng vẫn có cơ hội phục hồi được các hoạt động sản xuất kinh doanh, thì Nhà nước sẽ tạo cho họ cơ hội “tái sinh” để tiếp tục tham gia các hoạt động trong nền kinh tế, thậm chí có nước quy định thủ tục phục hồi là bắt buộc, nếu không còn khả năng phục hồi thì mới tiến hành thủ tục thanh lý. Ở Việt Nam, ngay từ khi ban hành pháp luật về phá sản, Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 đã thể hiện được nội dung đó với các quy định về tổ chức lại doanh nghiệp phá sản, và càng được khẳng định hơn mục đích này trong Luật phá sản doanh nghiệp năm 2004, với quy định về thủ tục phục hồi doanh nghiệp phá sản.

Đối với việc xây dựng một nền kinh tế thị trường hội nhập thì vai trò của doanh nghiệp rất quan trọng, quyết định đến chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, trong bối cảnh khủng hoảng, khó khăn chung của kinh tế thế giới, sự cạnh tranh khốc liệt của kinh tế thời mở cửa thì sự đổ vỡ của nhiều doanh nghiệp là điều dễ hiểu, theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), bình quân trước đây, mỗi năm có khoảng 5.000-7.000 doanh nghiệp phá sản, giải thể nhưng năm 2011 đã lên tới 54.198 doanh nghiệp, năm 2012 là 53.972. Theo Báo cáo phân tích kinh tế Việt Nam tháng 5/2013, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia dẫn số liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, chỉ tính riêng trong tháng 5, số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động là 3.590 doanh nghiệp, 5 tháng đầu năm 2013, số doanh nghiệp giải thể, phá sản đã lên đến 23.226 doanh nghiệp (*bảng 1 nửa của năm 2012*), do vậy việc quy định nhằm phục hồi sự hoạt động của các doanh nghiệp này có vai trò, ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự ổn định và phát triển kinh tế xã hội. Để nhìn nhận đúng hết giá trị, ý nghĩa của nó,

chúng ta xem xét đến sự tác động của phá sản đối với kinh tế xã hội như thế nào? Và vì sao cần phải phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản?

Phá sản tác động như thế nào đối với kinh tế - xã hội?

Hiện nay vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm phá sản, tuy nhiên cách hiểu được đa số các quốc gia có ban hành luật phá sản thừa nhận thì phá sản được hiểu là tình trạng một doanh nghiệp do làm ăn thua lỗ dẫn đến việc hoàn toàn mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và bị Toà án, theo thủ tục luật định, ra quyết định bắt buộc doanh nghiệp thanh lý tài sản để trả nợ cho các chủ nợ và đồng thời ra quyết định chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp đó.

Khách quan mà nói, một doanh nghiệp khi tham gia trên thương trường đều ít hoặc nhiều đều có sự chiếm dụng nhất định nguồn lực của xã hội. Do đó, việc một doanh nghiệp kinh doanh thất bại, bị phá sản hay giải thể cũng có nghĩa là cơ hội cho doanh nghiệp khác sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp thất bại đó. Trên khía cạnh kinh tế - xã hội, phá sản là cơ sở để thanh lọc các doanh nghiệp làm ăn yếu kém, thua lỗ, thông qua đó, nó cho phép xã hội tổ chức lại nguồn lực kinh tế theo hướng ngày càng hiệu quả hơn. Người lao động có cơ hội phát huy, nâng cao tay nghề, nâng cao thu nhập ở những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, doanh nghiệp khác có cơ hội về mở rộng thị trường, tiếp cận các yếu tố đầu vào, Nhà nước sẽ thuận lợi hơn trong các chính sách tài chính, cơ cấu lại nền kinh tế, phân bổ các nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp, các chủ nợ sẽ được giải phóng các khoản nợ để có cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp khác, hoặc làm ăn với các doanh



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

nghiệp hiệu quả, chủ các doanh nghiệp phá sản sẽ qua đó rút bài học tìm hướng đi thích hợp hơn. Phá sản, có thể nói, là cứu cánh cho doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, giúp họ có thể thoát hoàn toàn khỏi tình trạng nợ nần chồng chất, còn hơn là để doanh nghiệp này lay lắt tồn tại, không chỉ là gánh nặng chung cho xã hội mà sẽ như quả “bom nổ chậm”, nếu sự phá sản mang tính chất dây chuyền thì hậu quả của nó càng tác động to lớn trực tiếp đến kinh tế - xã hội, ví dụ như phá sản tín dụng nhà đất ở Mỹ những năm đầu của thế kỷ XXI là một điển hình. Do vậy, các quy định của pháp luật về phá sản như là phương thuốc giúp cho nền kinh tế loại trừ những bộ phận “ôm yếu”, hoặc cũng có thể tái tạo lại doanh nghiệp nếu còn cơ hội, là một công cụ hữu ích và hiệu quả để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, cũng như đóng vai trò là một công cụ bảo vệ hoàn hảo cho con nợ, tạo điều kiện cho họ rút lui một cách có trật tự khỏi nền kinh tế, bởi sau khi thủ tục thanh lý kết thúc, mọi khoản nợ sẽ biến mất và con nợ được tự do.

Phá sản có thể đem lại nhiều lợi ích cho xã hội cũng như bản thân doanh nghiệp bị phá sản. Song những tác động tiêu cực cả về kinh tế - xã hội do phá sản gây ra cũng không ít. Về mặt xã hội, phá sản một doanh nghiệp góp phần gia tăng tỷ lệ thất nghiệp, người lao động mất thu nhập, chủ doanh nghiệp thường trắng tay sau phá sản, những yếu tố này dễ dẫn đến những tiêu cực nảy sinh trong xã hội như trộm cắp, buôn bán hàng cấm, trái phép, tự sát do làm ăn thua lỗ, nghèo đói,.... Về mặt kinh tế, phá sản gây ra nhiều tác động xấu đến sự phát triển ổn định của nền kinh tế. Đối với chủ nợ, việc thu hồi nợ sẽ khó khăn, quá trình phá sản kéo dài cũng khiến cho chủ nợ càng bị thiệt hại về kinh tế nhiều hơn, theo kết quả

công bố trong Doing Business Ranking 2008, Việt Nam xếp thứ 124 trên tổng số 178 nước trên thế giới do có thời gian giải quyết phá sản rất dài với mức trung bình là 5 năm, mặt khác tài sản thu được thường thấp hơn rất nhiều so với số nợ và một doanh nghiệp phá sản thường không chỉ có một chủ nợ, bên cạnh đó phải chi phí cho thủ tục phá sản rất tốn kém, nên phần tài sản nhận được của chủ nợ lại càng ít ỏi, ví dụ như trường hợp phá sản Công ty thủy sản khu vực II Đà Nẵng: Số nợ phải thu là 10.479.775.313 VNĐ; số nợ phải trả 50.498.514.864 VNĐ; số nợ đã thu là 100.000.000đ đạt tỉ lệ 0,95%. Theo báo cáo xếp hạng môi trường kinh doanh năm 2008 do Tập đoàn Tài chính quốc tế IFC và Ngân hàng thế giới công bố, Việt Nam xếp thứ 91. Trong đó ở chỉ tiêu thứ 10, giải thể doanh nghiệp, báo cáo cho rằng việc giải quyết các doanh nghiệp phá sản ở Việt Nam còn kém hiệu quả, xếp hạng 121/178, thủ tục phải mất 5 năm, tổn kém đến 15% giá trị tài sản của doanh nghiệp. Đối với các bên liên quan chỉ thu hồi được 18% giá trị tài sản. Đối với con nợ, doanh nghiệp khi bị phá sản hầu hết là không còn tài sản nào, bên cạnh đó, con nợ còn phải chịu một số vấn đề trách nhiệm pháp lý liên quan nên khó có thể tiếp tục tham gia sản xuất kinh doanh, hay tham gia vào một số lĩnh vực nhất định. Đối với bạn hàng của doanh nghiệp cũng phải chịu ảnh hưởng theo kiểu dây chuyền, ảnh hưởng nhất định, trực tiếp đến đầu vào, đầu ra hoặc phân phối sản phẩm trên thị trường. Đối với nhà nước việc doanh nghiệp phá sản đòi hỏi cần phải có nhiều chính sách hơn (*nhất là tình trạng phá sản hàng loạt*) về cơ cấu kinh tế, tài chính, lao động... và các chính sách trợ cấp xã hội.

Phục hồi doanh nghiệp phá sản mang lại những lợi ích gì?

Về mặt pháp luật, phá sản là một chế định vừa liên quan đến nghĩa vụ, vừa liên quan đến quyền của doanh nghiệp, đặc biệt là quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp và được luật pháp bảo vệ. Nghĩa là doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh thì cũng có nghĩa vụ thực hiện các quy định liên quan đến mở thủ tục phá sản. Không chỉ có nghĩa vụ, doanh nghiệp lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán có quyền được pháp luật bảo vệ bằng cách đưa ra các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh của mình. Pháp luật về phá sản của Việt Nam chưa có định nghĩa, giải thích về thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh. Luật Phá sản năm 1993 dùng cụm từ “*tổ chức lại kinh doanh*”, “*tổ chức lại hoạt động kinh doanh*”; Luật Phá sản năm 2004 dùng cụm từ “*phục hồi hoạt động kinh doanh*”. Tuy nhiên theo cách hiểu thông thường, thủ tục phục hồi là đem lại cho người mắc nợ đang trong tình trạng khó khăn những điều kiện và cơ hội tiếp tục kinh doanh chứ không phải thanh toán nó. Trái với thủ tục thanh toán là nhằm thanh lý tài sản của con nợ cho các chủ nợ và chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp đó. Việc quy định thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản có ý nghĩa rất lớn trong luật phá sản, là cơ sở để bảo vệ toàn vẹn quyền lợi của cả chủ nợ và con nợ, người lao động, nhà nước và xã hội, tránh những đổ bể do phá sản gây ra. Có thể thấy những lợi ích mang lại từ việc áp dụng thành công phục hồi đối với doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản:

Trước hết, có thể khẳng định phục hồi doanh nghiệp phá sản nhằm mục đích tái tạo lại doanh nghiệp. Đó là việc dùng các biện pháp được pháp luật cho phép

nhằm hỗ trợ về tài chính, công nghệ, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức, quản lý, lao động dưới sự quản lý chặt chẽ của pháp luật nhằm vực dậy doanh nghiệp, làm cho nó hoạt động bình thường trở lại để có khả năng trả các khoản nợ. Điều này cũng có nghĩa là tài sản của doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản không bị đem ra thanh lý, mà còn được hỗ trợ để tiếp tục các hoạt động sản xuất kinh doanh. Như vậy, về mặt pháp lý, doanh nghiệp vẫn tiếp tục tồn tại, thực hiện các hoạt động kinh doanh bình thường, thực hiện các giao dịch với các đối tác, tuy nhiên sẽ bị ràng buộc bởi những thủ tục và quy định nhất định và sau khi trả nợ xong, doanh nghiệp vẫn sẽ là chính mình.

Thứ hai, phục hồi hoạt động của doanh nghiệp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của phá sản đối với xã hội. Phục hồi là cơ hội để doanh nghiệp tránh rơi vào phá sản và thanh lý tài sản. Đối với các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản mà nói việc được tiếp tục tham gia thương trường, không bị đổ bể sẽ tránh được sự tác động nặng nề bởi dư luận xã hội, các chủ nợ có cơ hội được hoàn trả đủ số nợ, người lao động tiếp tục có việc làm, bạn hàng không mất đi các yếu tố làm ăn truyền thống. Doanh nghiệp áp dụng thủ tục phục hồi đương nhiên sẽ phải áp dụng một số các biện pháp cần thiết, trong đó kể cả vấn đề tổ chức, nhân sự, hay thay đổi đối tác làm ăn, song đây là vấn đề thường không lớn. Ví dụ như có thể cắt giảm chi phí, sa thải nhân công, thay đổi công nghệ, thu hẹp sản xuất kinh doanh hay thay đổi thị trường làm ăn,... dẫn đến có một bộ phận nhân công dôi dư, hay sẽ mất đi một số đối tác làm ăn, nhưng đó chỉ là vấn đề tình giảm, giảm bớt những phần không có hiệu quả. Phục hồi thành công cũng có nghĩa là người lao động vẫn tiếp tục có việc làm, có thu nhập, giảm



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thiếu đói nghèo, hạn chế tiêu cực, tệ nạn. Doanh nghiệp sẽ không bị yếu tố tâm lý, yếu tố dư luận xã hội nhất là đối với các nhà lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp.

Thứ ba, doanh nghiệp phục hồi thành công sẽ góp phần ổn định kinh tế. Mỗi một doanh nghiệp đều tham gia trong một lĩnh vực nhất định của nền kinh tế, góp phần vào bức tranh chung cho sự phát triển của nền kinh tế, một yếu tố nào đó hay mắc xích nào đó bị “*hỏng*” sẽ ảnh hưởng nhất định đến toàn cục, từ nhỏ nhất đến lớn nhất. Đối với các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn nếu phá sản thì càng có tác động lớn đối với nền kinh tế, ở nước ta, việc Nhà nước phải trực tiếp chỉ đạo tái cơ cấu một số doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế hay các tổ chức tín dụng (*mà thực chất các doanh nghiệp, tập đoàn hay các tổ chức tín dụng này đang ở bờ vực của sự phá sản*) cho thấy, các doanh nghiệp này nếu không được áp dụng chế độ phục hồi thì hậu quả của nó đối với nền kinh tế chắc chắn là không ít, thậm chí còn dẫn đến sự đổ vỡ mang tính chất dây chuyền, do sự phụ thuộc lẫn nhau của doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác.

Thứ tư, phục hồi hoạt động của doanh nghiệp góp phần làm thay đổi nhận thức về phá sản. Xuất phát từ cách hiểu phá sản có nghĩa là “*vỡ nợ*”, “*khán tận*” mà hậu quả của nó là tài sản của các thương gia, doanh nghiệp bị đem ra thanh lý cho các chủ nợ, thậm chí con nợ còn phải bị bêu rếu, ngồi tù, đã có những giai đoạn trong lịch sử, việc gây ra phá sản cấu thành tội phạm trong pháp luật hình sự của các nước, nhìn thấy hậu quả của nó để lại cho xã hội, cho chính gia đình và cá nhân mình, nên đối với một thương gia, doanh nghiệp mà nói thường rất sợ hai từ này. Ở không ít quốc gia, phá sản được xem còn hơn cả sự sỉ nhục của một doanh nhân, như ở Nhật,

Đức,... và thường nếu không thành công trong kinh doanh, mặc dù phá sản không bị coi là tội phạm, nhưng các chủ doanh nghiệp thường hay bị ảnh hưởng nặng nề bởi dư luận xã hội, thường có nhiều biểu hiện tiêu cực, thậm chí kết thúc cuộc đời của mình theo doanh nghiệp. Ở Việt Nam, việc các doanh nghiệp, chủ nợ không gửi đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp có một phần từ chính nguyên nhân này, chưa kể là còn bị ràng buộc bởi một số trách nhiệm pháp lý khác.

Ngày nay, luật phá sản các nước đều xác định, phá sản không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền của công dân trong kinh doanh, thậm chí quy định này còn được nhiều thương nhân, doanh nghiệp lựa chọn áp dụng như là một giải pháp giải thoát an toàn, với xu hướng xây dựng pháp luật phá sản có mục tiêu là “*hướng vào người mắc nợ*” – tức là tập trung vào việc cứu các doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng khó khăn về tài chính, với sự ra đời của thủ tục phục hồi doanh nghiệp, nó đã làm thay đổi hoàn toàn nhận thức về quan niệm phá sản. Phá sản đúng là nơi kết thúc, là nơi biến mất nhưng đó là đối với sự phi hiệu quả hoặc phi kinh tế. Mặt khác, nó trở thành nơi bắt đầu của một doanh nghiệp khỏe mạnh trên nền tảng doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản đã được phục hồi. Ngày nay, chúng ta chứng kiến rất nhiều vụ phá sản mà sự chủ động hoàn toàn thuộc về doanh nghiệp. Doanh nghiệp nộp đơn xin mở thủ tục phá sản, nộp bản phương án phục hồi kinh doanh, nhận sự trợ giúp hoặc những chính sách ưu đãi của Nhà nước và sau đó “*sống dậy*”. Ví dụ như tỷ phú bất động sản Donald Trump là một điển hình, là chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Phát triển địa ốc Trump Organization, là một ngành đòi hỏi nguồn vốn rất lớn nên không thể không



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vay nợ, việc làm ăn ở lĩnh vực này rất nhạy cảm và vấn đề thua lỗ là rất bình thường, trong kinh doanh Trump đã nộp đơn xin phá sản 4 lần vào các năm 1991, 1994, 2004 và 2009. Trả lời phỏng vấn tờ tạp chí Forbes gần đây, Trump cho biết, nhiều chủ doanh nghiệp lớn đã dựa vào luật phá sản Mỹ để tái cấu trúc nợ, tháo gỡ khó khăn về vốn vào đời mới doanh nghiệp.

Vì sao ở Việt Nam ít doanh nghiệp tiến hành phá sản theo quy định của pháp luật để được áp dụng thủ tục phục hồi? Nguyên nhân và một số kiến nghị.

Xét trên khía cạnh nào đó, thủ tục phục hồi luôn được “ưu tiên” so với thủ tục thanh lý trong trình tự giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp điều này cũng khá dễ hiểu, bởi nếu một doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được phục hồi thành công thì không chỉ chủ nợ, con nợ, người lao động mà cả Nhà nước đều hưởng được các lợi ích từ việc đó hơn là việc đưa doanh nghiệp đó ra thanh lý, mà chắc chắn rằng chủ nợ sẽ khó đòi đủ tài sản, con nợ thì thường là trắng tay, thậm chí là bị tù tội, người lao động thì mất việc làm, và nhà nước phải giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội liên quan. Vậy tại sao một chế định, một thủ tục có vai trò quan trọng và có ý nghĩa như vậy đối với việc xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, đảm bảo ổn định kinh tế - xã hội như thế tại sao ít được áp dụng trong thực tế. Đây không chỉ là vấn đề của riêng thủ tục phục hồi mà cả Luật phá sản của nước ta nói chung. Đánh giá của Tòa án tối cao về thực hiện luật phá sản 1993, trong 10 năm tòa án chỉ thụ lý 151 đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp, đến hết quý II/2012 chỉ có 15% trên tổng số 600000 doanh nghiệp ngừng hoạt động nộp đơn xin yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, trong đó số vụ được tòa án ra

quyết định áp dụng chế độ phục hồi tính trên đầu ngón tay, tính đến 2008 trong 30 địa phương có thụ lý yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp gửi báo cáo về tòa tối cao chỉ có 01 doanh nghiệp được áp dụng thành công thủ tục phục hồi.

Nguyên nhân và một số kiến nghị:

Thứ nhất, việc xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở nước ta vẫn đang giai đoạn vừa làm vừa tổng kết, một số vấn đề về lý luận đang còn nhiều bỏ ngỏ. Việc học tập kinh nghiệm pháp luật một số nước về phá sản chưa được quan tâm thấu đáo. Nhiều nước, doanh nghiệp chủ động đệ đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp, trong khi đó ở ta thì chủ doanh nghiệp chủ động nộp đơn là rất hiếm. Tỷ lệ doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản là rất thấp trên tổng số doanh nghiệp thực tế tự phá sản, giải thể. Nên chăng, chúng ta cần phải có điều tra, nghiên cứu nghiêm túc thực trạng trên để tìm ra những nguyên nhân để từ đó đưa ra những giải pháp có tầm vĩ mô, như các chính sách hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật... cho doanh nghiệp các nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp có khả năng phục hồi lại sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó trong lĩnh vực phá sản cũng cần tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp, kể cả đối với doanh nghiệp nhà nước. Hiện nay nhiều doanh nghiệp nhà nước được áp dụng “*chế độ*” tái cấu trúc, hiểu như hiện nay, doanh nghiệp nhà nước trên bờ vực phá sản được nhà nước quan tâm, hỗ trợ, vậy đối với doanh nghiệp dân doanh có được như vậy không. Và trong các quy định về tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước (đang dự thảo) cũng nên cần phải rõ ràng về lĩnh vực, đối tượng, và nên chăng cũng cần mạnh dạn cho phá sản những doanh nghiệp nhà nước không cần thiết nếu lâm vào tình



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

trang phá sản. Việc ban hành những văn bản pháp luật cần có tính dự báo, có cơ sở lý luận và thực tiễn chắc chắn chứ không thể xây dựng pháp luật theo như câu nói dân gian “sáng đúng, chiều sai, mai sửa lại” được, hiện nay nhiều nước đã ban hành quy định phá sản đối với cá nhân như Pháp, Mỹ,..., và có nước đang nghiên cứu thử nghiệm như Trung Quốc (đối với tổ hợp tác), nên việc nghiên cứu vấn đề này để luật hóa ở Việt Nam cũng là một thực tế cần quan tâm.

Thứ hai, các quy định của luật phá sản hiện tại (Luật Phá sản 2004) còn quá nhiều nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình hiện nay. Cần phải có sự quan tâm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phá sản, đây là một trong những quy định ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Nhiều văn bản hướng dẫn ban hành còn quá chậm, một số lĩnh vực còn thiếu, chưa đồng bộ, thậm chí còn chồng chéo nhau. Xin đơn cử ở đây một số vấn đề thực tế đang nảy sinh, như vấn đề xác định doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, mặc dù có tiến bộ hơn so với quy định của Luật Phá sản năm 1993, nhưng việc quy định doanh nghiệp chỉ cần mất thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu là không thực tế, vì nợ đến bao nhiêu 1000 đồng hay 1 tỷ đồng khi có chủ nợ yêu cầu, việc quy định như thế dễ bị chủ nợ lợi dụng để đánh đổ doanh nghiệp, trục lợi cho mình. Hay như quy định về chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, trong luật không quy định chủ nợ có bảo đảm có quyền nộp đơn, trên thực tế, chủ nợ không bảo đảm vì không muốn doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản đổ bể vì nếu đổ bể họ sẽ mất nhiều hơn là nhận nên để doanh nghiệp lay lắt tồn tại, trong khi đó chủ nợ

có bảo đảm thì không có quyền này nên vốn và tài sản bị ứ đọng, không thể tái đầu tư được. Hay như vấn đề quy định người lao động có phải là chủ nợ không, và việc phải thông qua đại diện hay công đoàn sẽ hạn chế quyền lợi của người lao động. Bên cạnh đó còn một số vấn đề cần phải có quy định phù hợp hơn, như về Tổ quản lý tài sản, quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, về hội nghị chủ nợ,... cũng cần có nghiên cứu bổ sung.

Liên quan đến áp dụng thủ tục phục hồi, tác giả cho rằng, việc áp dụng thủ tục phục hồi có thể tiến hành ngay từ giai đoạn đầu của quá trình thụ lý yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp. Theo như quy định của Luật Phá sản 2004, sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, Thẩm phán mới triệu tập Hội nghị chủ nợ để thông qua việc doanh nghiệp phá sản có được áp dụng thủ tục phục hồi hay không, xét một khía cạnh nào đó, quy định này là nhằm bảo đảm quyền lợi cho các chủ nợ nhưng việc làm này khá mất thời gian, chưa kể nếu triệu tập Hội nghị chủ nợ không thành công. Bên cạnh đó việc thụ lý yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp có thể tạo cảm giác không hay cho con nợ trong trường hợp họ muốn nộp đơn để được phục hồi. Do đó, pháp luật nên quy định theo hướng, chủ nợ, con nợ có thể nộp đơn để xin phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ngay từ giai đoạn đầu. Tòa án có thể thụ lý yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp nếu có yêu cầu và cũng có thể thụ lý mở thủ tục phục hồi doanh nghiệp phá sản. Vấn đề này chúng ta nên tham khảo quy định một số nước như Mỹ, Pháp, Trung Quốc,...

Thứ ba, cần phải xây dựng một hệ thống tư pháp mạnh. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách trong lĩnh



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vực cải cách tư pháp, tuy nhiên trên một số lĩnh vực cụ thể, hệ thống tư pháp vẫn còn chưa đáp ứng cả về số lượng lẫn chất lượng. Đội ngũ thẩm phán trong lĩnh vực phá sản đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định, nhất là lĩnh vực kinh tế, mỗi quyết định của thẩm phán phụ trách đều ảnh hưởng trực tiếp quyền lợi của chủ nợ và con nợ, đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, nếu thẩm phán chỉ nắm các quy định của pháp luật thôi thì không đủ, đó là chưa kể các nghiệp vụ trong các lĩnh vực tài chính, kế toán phát sinh khi doanh nghiệp được áp dụng chế độ phục hồi. Ngoài ra doanh nghiệp phá sản được áp dụng thủ tục phục hồi thì thẩm phán sẽ là người đi theo quá trình này khá dài, xét về số lượng và tính chất công việc, Tòa án có đủ điều kiện để cử thẩm phán tham gia, nếu số lượng doanh nghiệp nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản và phục hồi doanh nghiệp phá sản tăng lên hay không. Để giải quyết một phần thực trạng này, nên chăng, việc thực hiện quản lý tài sản của doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản cần do người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có uy tín tiến hành thay cho thẩm phán như hiện nay. Ở một số nước quy định liên quan đến người quản lý tài sản của doanh nghiệp phá sản như Nga gọi là “*Quản tài viên*”, Trung Quốc gọi là “*Người quản lý*”, tránh bớt áp lực cho thẩm phán.

Thứ tư, cần đẩy mạnh giáo dục pháp luật, tuyên truyền những quyền lợi thiết thực và nghĩa vụ cụ thể, cũng như trách nhiệm pháp lý của việc phá sản doanh nghiệp, nhất là trong cộng đồng doanh nhân. Mặc dù phá sản là điều mà không doanh nghiệp hay nhà nước nào mong muốn bởi các hậu quả tiêu cực mà nó để lại

cho kinh tế xã hội không phải là ít. Song việc phá sản cũng mang lại không ít lợi ích cho cả chủ nợ, con nợ, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản vẫn chưa ý thức được vấn đề này, thậm chí khi nói đến phá sản vẫn chỉ đồng nghĩa với việc là thanh lý tài sản, mà không nghĩ rằng, bên cạnh đó còn có thủ tục phục hồi. Trên thực tế, có nhiều doanh nghiệp chỉ mất khả năng thanh toán nợ đến hạn mang tính nhất thời do các khó khăn trong kinh doanh như sự thay đổi các chính sách về xuất nhập khẩu, về thị trường, về vay vốn,... đã không nhận thức đúng vấn đề phục hồi, sợ mở thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản sẽ dẫn đến thanh lý tài sản, do đó tự mình chống đỡ với các khó khăn, và thực tế không ít doanh nghiệp đó đã bị phá sản vì thiếu sự hỗ trợ từ các chủ nợ hay Nhà nước. Ở Việt Nam, mặc dù đối với thuật ngữ phá sản không lạ đối với doanh nghiệp, nhưng khó thực hiện đối với họ. Do vậy, cần bỏ bớt một số quy định về trách nhiệm pháp lý đối với việc kinh doanh không thành đạt hậu phá sản, và cũng cần có chế định nghiêm phạt những doanh nghiệp tự ý phá sản hay giải thể mà không có sự thông báo với Nhà nước, đây cũng là biện pháp tránh những tiêu cực nảy sinh cho xã hội. Bên cạnh đó, cần có định hướng tốt đối với dư luận xã hội về vấn đề phá sản, coi đây là một hiện tượng bình thường của nền kinh tế.

Trên là một số phân tích của tác giả về vấn đề phục hồi doanh nghiệp phá sản, tác giả qua bài viết mong muốn doanh nghiệp nhận thức đầy đủ hơn về hiện tượng phá sản và mục đích, ý nghĩa khi áp dụng thủ tục phá sản doanh nghiệp, những lợi ích của nó mang lại để có những bước đi thích hợp. Đồng thời, qua một số ý kiến góp phần hoàn thiện hơn pháp luật về phá sản ở Việt Nam hiện nay./.